VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 201 /QĐ-VHL	*Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2019

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch- Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi NSNN năm 2019 cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN, (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Website;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN;
- Phó Chủ tịch N. Đ. Công;
- Lưu: VT, KHTC, PTH (50)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Nguyễn Đình Công

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 201 /QĐ-VHL ngày 20 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN)

TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2018	Tổng số phân bổ đợt 1 năm 2018	Trong đó														
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các HCTN	Viện Công nghệ sinh học	Viện ST&TN Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học & Tin học UD	Viện Công nghệ hóa học
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí,																	
I	Số thu phí, lệ phí	14.500,00	14.500,00															
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	13.770,00	13.770,00															
1	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	13.770,00	13.770,00															
a	Kinh phí thường xuyên		13.770,00															
b	Kinh phí không thường xuyên		0,00															
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	730,00	730,00															
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước																	
Vốn trong nước		1.283.300,00	1.283.300,00	22.021,80	16.153,60	15.182,50	48.456,00	23.853,40	72.832,20	14.800,60	87.610,70	35.589,50	22.105,20	52.122,60	12.505,40	13.337,90	7.786,60	7.963,40
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.175.850,00	1.175.850,00	21.893,80	16.153,60	13.782,50	47.031,00	23.853,40	72.332,20	14.800,60	85.610,70	24.044,50	21.305,20	50.442,60	9.825,40	13.337,90	7.786,60	7.963,40
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ		364.190,00	1.000,00	2900,000	2.900,00	8.050,00	2.400,00	19.900,00	3.500,00	15.400,00	3.350,000	1.500,00	1.500,00	700,00	1.750,00	1.200,00	2350,000
	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia		188.000,00	0,00	0,000	0,00	0,00	0,00	0,00	800,00	5.800,00	0,000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,000
	Nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN		176.190,00	1.000,00	2900,000	2.900,00	8.050,00	2.400,00	19.900,00	2.700,00	9.600,00	3.350,000	1.500,00	1.500,00	700,00	1.750,00	1.200,00	2350,000
1.2	Kinh phí thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)		317.998,76	10.833,80	12893,600	10.122,50	22.671,00	11.903,40	15.522,20	5.950,60	18.240,70	15.344,500	10.072,20	11.857,60	8.405,40	9.507,90	6.418,60	5549,400
1.3	Kinh phí không thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)		493.661,24	10.060,00	360,000	760,00	16.310,00	9.550,00	36.910,00	5.350,00	51.970,00	5.350,000	9.733,00	37.085,00	720,00	2.080,00	168,00	64,000
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	61.820,00	61.820,00	128,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2018	Tổng số phân bổ đợt 1 năm 2018	Trong đó														
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các HCTN	Viện Công nghệ sinh học	Viện ST&TN Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học & Tin học UD	Viện Công nghệ hóa học
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		31.190,00															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		30.630,00	128,00														
3	Sự nghiệp kinh tế	22.130,00	22.130,00	0,00	0,00	0,00	625,00	0,00	500,00	0,00	2.000,00	10.185,00	500,00	880,00	2.480,00	0,00	0,00	0,00
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0,00															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		22.130,00				625,00		500,00		2.000,00	10.185	500,00	880,00	2.480,00			
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.260,00	6.260,00	0,00	0,00	1.400,00	800,00	0,00	0,00	0,00	0,00	360,00	0,00	0,00	200,00	0,00	0,00	0,00
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0,00															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		6.260,00			1.400,00	800,00					360,000			200,00			
5	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	17.240,00	17.240,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1.000,00	300,00	800,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0,00															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		17.240,00									1.000,000	300,00	800,00				
II.	Nguồn vốn viện trợ	19.300,00	19.300,00	526,10			5.400,00				45,00	1.334,00						
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	19.300,00	19.300,00	526,1	0	0	5.400,00	0,00	0,00	0,00	45,00	1.334,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Hiện đại hóa chương trình đào tạo ngành Địa chất tại các trường đại học của Nga và Việt Nam		781,20															
	Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam		2.631,00															
	Phân Lập và đánh giá tính chất của Enzyme thuỷ phân Y-PGA từ thực khuẩn thể Bacillus		45,00								45,00							

TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2018	Tổng số phân bổ đợt 1 năm 2018	Trong đó														
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các HCTN	Viện Công nghệ sinh học	Viện ST&TN Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học & Tin học UD	Viện Công nghệ hóa học
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Nghiên cứu kỹ nghệ chế tạo các tế bào quang điện hóa và các điện cực xúc tác của pin nhiên liệu PEM nhằm định hướng ứng dụng sản xuất và sử dụng nhiên liệu H2 (Engineering of Photo-electrochemical Cells for Hydrogen Generation and Catalytic Electrode for PEM Fuel Cells)		1.800,00				1.800,00											
	Nghiên cứu so sánh khả năng chống chịu của các rạn san hô ở cùng biển Nam Việt Nam nhằm bảo tồn đa dạng sinh học biển trong một thế giới đang biến đổi																	
	Nghiên cứu bệnh sán lá lây truyền cho người và động vật qua thức ăn và kiểm soát tổng hợp ở Việt Nam.											1.334,000						
	Tính chất từ ở thang nano của một số vật liệu có cấu trúc mới (Nanoscale magnetism of Novel Structures)		3.600,00				3600											
	Chương trình tài trợ nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học		526,10	526,10														

TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2018	Tổng số phân bổ đợt 1 năm 2018	Trong đó														
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các HCTN	Viện Công nghệ sinh học	Viện ST&TN Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học & Tin học UD	Viện Công nghệ hóa học
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Phát triển và thúc đẩy công nghệ LED cho chiếu sáng chung ở Việt Nam		7.483,00															
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	19.700,00	19.700,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19.700,00	19.700,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội		19.700,00															

VIỆN HÀN LÂM KH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046 CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019

TT	Nội dung	Trong đó															
		Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện NC&UDCN Nha Trang	Viện KH vật liệu ứng dụng	Viện Vật lý TP.HCM	Viện Địa lý TN TP.HCM	Viện NCKH Tây Nguyên	Viện Tài nguyên & MT Biển	Viện Địa chất & ĐVL Biển	Viện Vật lý UD&TBKH	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	TT Nghiên cứu và chuyển giao CN	Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng
1	2	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí,																
I	Số thu phí, lệ phí		14.500,00														
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		13.770,00														
1	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin		13.770,00														
a	Kinh phí thường xuyên		13.770,00														
b	Kinh phí không thường xuyên																
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN		730,00														
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước																
Vốn trong nước		41.636,80	18.947,10	7.865,20	26.915,00	4.643,80	5.468,70	4.238,50	28.042,90	13.633,50	2.088,00	12.743,80	62.095,39	2.043,96	41.959,00	25.037,00	7.343,70
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	41.036,80	14.412,10	6.965,20	26.915,00	4.643,80	5.168,70	3.438,50	24.317,90	12.313,50	2.088,00	12.743,80	61.445,39	2.043,96	41.959,00	24.337,00	7.343,70
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	1.900,00	2100,000	1.600,00	1.100,000	0,00	600,000	0,00	4.300,00	3.000,000	100,00	0,00	9.900,00	0,00	8.900,00	15.960,00	1.700,00
	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	0,00	0,000	0,00	0,000	0,00	0,000	0,00	1.400,00	0,000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN	1.900,00	2100,000	1.600,00	1.100,000	0,00	600,000	0,00	2.900,00	3.000,000	100,00	0,00	9.900,00	0,00	8.900,00	15.960,00	1.700,00
1.2	Kinh phí thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)	8.701,80	10196,100	5.181,20	5.177,000	3.661,80	4059,700	3.302,50	5.837,90	7.063,500	1.988,00	3.115,80	31.712,90	1.878,96	2.239,00	7.159,00	3.928,70
1.3	Kinh phí không thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)	30.435,00	2116,000	184,00	20.638,000	982,00	509,000	136,00	14.180,00	2.250,000	0,00	9.628,00	19.832,49	165,00	30.820,00	1.218,00	1.715,00
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	650,00	0,00	0,00	0,00	0,00

TT	Nội dung	Trong đó															
		Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện NC&UDCN Nha Trang	Viện KH vật liệu ứng dụng	Viện Vật lý TP.HCM	Viện Địa lý TN TP.HCM	Viện NCKH Tây Nguyên	Viện Tài nguyên & MT Biển	Viện Địa chất & ĐVL Biển	Viện Vật lý UD&TBKH	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	TT Nghiên cứu và chuyển giao CN	Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng
1	2	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												650,00				
3	Sự nghiệp kinh tế	0,00	235,00	900,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1.055,00	420,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		235,000	900,00					1.055,00	420,000							
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00	1.400,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1.400,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	700,00	0,00
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1400,000						1.400,00							700,00	
5	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	600,00	2.900,00	0,00	0,00	0,00	300,00	800,00	1.270,00	900,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	600,00	2900,000				300,000	800,00	1.270,00	900,000							
II. Nguồn vốn viện trợ			1.099,70														
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0,00	1.099,70	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Hiện đại hóa chương trình đào tạo ngành Địa chất tại các trường đại học của Nga và Việt Nam																
	Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam																
	Phân Lập và đánh giá tính chất của Enzyme thuỷ phân Y-PGA từ thực khuẩn thể Bacillus																

TT	Nội dung	Trong đó															
		Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện NC&UDCN Nha Trang	Viện KH vật liệu ứng dụng	Viện Vật lý TP.HCM	Viện Địa lý TN TP.HCM	Viện NCKH Tây Nguyên	Viện Tài nguyên & MT Biển	Viện Địa chất & ĐVL Biển	Viện Vật lý UD&TBKH	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	TT Nghiên cứu và chuyển giao CN	Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng
1	2	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
	Nghiên cứu kỹ nghệ chế tạo các tế bào quang điện hóa và các điện cực xúc tác của pin nhiên liệu PEM nhằm định hướng ứng dụng sản xuất và sử dụng nhiên liệu H2 (Engineering of Photo-electrochemical Cells for Hydrogen Generation and Catalytic Electrode for PEM Fuel Cells)																
	Nghiên cứu so sánh khả năng chống chịu của các rạn san hô ở cùng biển Nam Việt Nam nhằm bảo tồn đa dạng sinh học biển trong một thế giới đang biến đổi		1099,700														
	Nghiên cứu bệnh sán lá lây truyền cho người và động vật qua thức ăn và kiểm soát tổng hợp ở Việt Nam.																
	Tính chất từ ở thang nano của một số vật liệu có cấu trúc mới (Nanoscale magnetism of Novel Structures)																
	Chương trình tài trợ nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học																

TT	Nội dung	Trong đó															
		Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện NC&UDCN Nha Trang	Viện KH vật liệu ứng dụng	Viện Vật lý TP.HCM	Viện Địa lý TN TP.HCM	Viện NCKH Tây Nguyên	Viện Tài nguyên & MT Biển	Viện Địa chất & ĐVL Biển	Viện Vật lý UD&TBKH	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	TT Nghiên cứu và chuyển giao CN	Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng
1	2	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
	Phát triển và thúc đẩy công nghệ LED cho chiếu sáng chung ở Việt Nam																
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội																

VIỆN HÀN LÂM KH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046 CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó														
		Nhà xuất bản KHTN&CN	Bảo tàng Thiên nhiên VN	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển CN cao	Viện NCKH Miền Trung	Trung tâm tin học & Tính toán	Viện Hoá sinh biển	TT Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Viện Sinh thái học Miền Nam	Học viện KHCN	Trường ĐH KH&CN HN	Văn phòng CT Tây Nguyên GIAI ĐOẠN 2016-2020	Ban Quản lý dự án xây dựng trường Đại học Khoa học và công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm KHCNVN-Đoàn ra
1	2	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí,															
I	Số thu phí, lệ phí															
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại															
1	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin															
a	Kinh phí thường xuyên															
b	Kinh phí không thường xuyên															
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN															
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước															35.852,00
Vốn trong nước		11.427,60	36.858,20	110.053,40	71.105,35	25.753,10	10.030,20	30.601,20	4.842,80	4.817,60	11.149,80	42.482,00	28.703,00	100.000,00		35.852,00
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	11.027,60	28.888,20	110.053,40	71.105,35	25.753,10	10.030,20	28.851,20	4.842,80	4.817,60	10.549,80	10.700,00	2.043,00	100.000,00		0,00
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	6.000,00	5150,000	87.380,00	16.500,00	600,00	2.300,00	12.350,00	600,00	1550,000	300,00	10.000,00	1900,000	100.000,00		0,00
	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	0,00	0,000	80.000,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,000	0,00	0,00	0,000	100.000,00		0,00
	Nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN	6.000,00	5150,000	7.380,00	16.500,00	600,00	2.300,00	12.350,00	600,00	1550,000	300,00	10.000,00	1900,000	0,00		0,00
1.2	Kinh phí thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)	4.627,60	5088,200	4.653,40	3.784,60	2.318,10	2.681,20	5.841,20	4.122,80	2657,600	1.483,80	100,00	143,000	0,00		0,00
1.3	Kinh phí không thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)	400,00	18650,000	18.020,00	50.820,75	22.835,00	5.049,00	10.660,00	120,00	610	8.766,00	600,00	0,000	0,00		35.852,00
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	31.782,00	26.660,00	0,00	2.600,00	0,00

TT	Nội dung	Trong đó														
		Nhà xuất bản KHTN&CN	Bảo tàng Thiên nhiên VN	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển CN cao	Viện NCKH Miền Trung	Trung tâm tin học & Tính toán	Viện Hoá sinh biển	TT Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Viện Sinh thái học Miền Nam	Học viện KHCN	Trường ĐH KH&CN HN	Văn phòng CT Tây Nguyên GIAI ĐOẠN 2016-2020	Ban Quản lý dự án xây dựng trường Đại học Khoa học và công nghệ-Hà Nội	Viện Hàn lâm KHCNVN-Đoàn ra
1	2	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											6.482,00	24708			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											25.300,00	1952		2.600,00	
3	Sự nghiệp kinh tế	0,00	600,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1.750,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		0,00
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		600,000					1.750,00								
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		0,00
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
5	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	400,00	7.370,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	600,00	0,00	0,00	0,00		0,00
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	400,00	7370,000								600,00					
II. Nguồn vốn viện trợ					7.483,00			2.631,00				781,20				
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0,00	0,00	0,00	7.483,00	0,00	0,00	2.631,00	0,00	0,00	0,00	781,20	0,00	0,00		0,00
	Hiện đại hóa chương trình đào tạo ngành Địa chất tại các trường đại học của Nga và Việt Nam											781,20				
	Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam							2.631,00								
	Phân Lập và đánh giá tính chất của Enzyme thuỷ phân Y-PGA từ thực khuẩn thể Bacillus															

TT	Nội dung	Trong đó														
		Nhà xuất bản KHTN&CN	Bảo tàng Thiên nhiên VN	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển CN cao	Viện NCKH Miền Trung	Trung tâm tin học & Tính toán	Viện Hoá sinh biển	TT Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Viện Sinh thái học Miền Nam	Học viện KHCN	Trường ĐH KH&CN HN	Văn phòng CT Tây Nguyên GIA1 ĐOẠN 2016-2020	Ban Quản lý dự án xây dựng trường Đại học Khoa học và công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm KHCNVN-Đoàn ra
1	2	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
	Nghiên cứu kỹ nghệ chế tạo các tế bào quang điện hóa và các điện cực xúc tác của pin nhiên liệu PEM nhằm định hướng ứng dụng sản xuất và sử dụng nhiên liệu H2 (Engineering of Photo-electrochemical Cells for Hydrogen Generation and Catalytic Electrode for PEM Fuel Cells)															
	Nghiên cứu so sánh khả năng chống chịu của các rạn san hô ở cùng biển Nam Việt Nam nhằm bảo tồn đa dạng sinh học biển trong một thế giới đang biến đổi															
	Nghiên cứu bệnh sán lá lây truyền cho người và động vật qua thức ăn và kiểm soát tổng hợp ở Việt Nam.															
	Tính chất từ ở thang nano của một số vật liệu có cấu trúc mới (Nanoscale magnetism of Novel Structures)															
	Chương trình tài trợ nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học															

TT	Nội dung	Trong đó														
		Nhà xuất bản KHTN&CN	Bảo tàng Thiên nhiên VN	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển CN cao	Viện NCKH Miền Trung	Trung tâm tin học & Tính toán	Viện Hoá sinh biển	TT Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Viện Sinh thái học Miền Nam	Học viện KHCN	Trường ĐH KH&CN HN	Văn phòng CT Tây Nguyên GIAI ĐOẠN 2016-2020	Ban Quản lý dự án xây dựng trường Đại học Khoa học và công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm KHCNVN-Đoàn ra
1	2	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
	Phát triển và thúc đẩy công nghệ LED cho chiếu sáng chung ở Việt Nam				7.483,00											
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16.200,00	0,00	3.500,00	0
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16.200,00	0,00	3.500,00	0
	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội												16.200,00		3.500,00	